

Số: 282/BGTP-MNQTr
V/v yêu cầu báo giá lương thực
thực phẩm, nguyên liệu, nhiên
liệu, sản phẩm dinh dưỡng

An Quang, ngày 14 tháng 11 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Cung cấp các mặt hàng lương thực, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng,
nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào thực hiện việc cung cấp bữa ăn cho học sinh
bán trú tại Trường mầm non Quang Trung
Năm học 2025-2026**

Kính gửi: Các Công ty cung cấp các mặt hàng lương thực, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào cho học sinh.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2024/QH15, ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 (điều 4); Luật số 90/2025/QH15 (điều 1);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng, sửa đổi, bổ sung điều 3 Nghị quyết 02/2022/QĐ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Căn cứ Hướng dẫn số 86/HDLĐ-SGDĐT-STC ngày 25/01/2024 của liên Sở GDĐT và Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng; Căn cứ công văn số 6126/SGDĐT - KHTC ngày 29/8/2025 của Sở giáo dục và đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 – 2026;

Căn cứ công văn số 350/UBND-VHXX ngày 05/9/2025 của UBND xã An Quang V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Để thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, trường mầm non Quang Trung tổ chức hoạt động bán trú cho học sinh của trường năm học 2025 – 2026. Hiện nay, Trường mầm non Quang Trung đang tiến hành lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm lương thực, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào thực hiện việc cung cấp bữa ăn cho học sinh bán trú năm học 2025-2026”.

Trường mầm non Quang Trung trân trọng kính mời các Công ty, đơn vị kinh doanh lương thực, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, nguyên liệu, nhiên liệu có nhu cầu cung cấp lương thực, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, nguyên liệu, nhiên liệu cho bếp ăn bán trú của nhà trường, gửi hồ sơ năng lực và báo giá các mặt hàng với các thông tin chi tiết như sau:

I. Thông tin về đơn vị nhận báo giá

1. Đơn vị đề nghị báo giá: Trường mầm non Quang Trung

Địa chỉ: Thôn Câu Đông, xã An Quang, Thành phố Hải Phòng.

Đại diện: Lê Thị Hương - Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0335713415. Email: mnquangtrung@anlao.edu.vn

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Trường mầm non Quang Trung - Thôn Câu Đông, xã An Quang, Thành phố Hải Phòng hoặc gửi qua Email: mnquangtrung@anlao.edu.vn

Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong 07 ngày làm việc, từ ngày 14/11/2025 đến ngày 21/11/2025.

Các báo giá gửi về nhà trường sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu báo giá các mặt hàng đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: Báo giá đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào. Giá mà nhà cung ứng báo sẽ là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và không thay đổi (nếu đơn vị được lựa chọn). Do vậy nhà cung ứng phải có trách nhiệm tính toán các khoản chi phí hợp lý vào trong giá báo giá.

- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

III. Yêu cầu cụ thể về chất lượng thực phẩm, nguyên liệu, hàng hoá cần đảm bảo theo báo giá của nhà cung ứng:

1. Đối với thực phẩm:

- Nhà cung ứng ngoài việc báo giá cụ thể, cần nêu chi tiết từng loại thực phẩm, nguyên liệu mà nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm, có tỷ lệ dinh dưỡng tương đương hoặc tốt hơn. Vì vậy nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm, khác nhau nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của nhà trường. Đối với các sản phẩm tốt hơn, nhà cung ứng phải có bảng so sánh và tài liệu chứng minh đính kèm báo giá. Thực phẩm mà nhà cung ứng cung cấp cho nhà trường phải tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người. Giá phải tương ứng với chất lượng thực phẩm và suất ăn theo yêu cầu dưới đây. Cụ thể:

1.1. Yêu cầu cụ thể đối với thịt, cá, thực phẩm tươi sống:

Thịt tươi sống, không có thuốc tăng trọng; các thớ thịt đều, săn chắc, không nhũn nhão, đàn hồi tốt, ấn ngón tay vào thịt không để lại dấu ấn trên bề mặt thịt khi bỏ tay ra. Bề mặt khô, sạch, không dính lông và tạp chất lạ; Nước luộc thịt thơm, trong, vàng mỡ to (khi luộc thịt). Tôm, cá đảm bảo tươi sống, không ươn dịch, chảy

nhớt. Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi: Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ. Đạt các tiêu chuẩn về an toàn toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng. Đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y, đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.2. Yêu cầu đối với rau, củ, quả:

Đạt các tiêu chuẩn về an toàn toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi ngon. Đối với rau ăn lá phải tươi, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, Củ quả to, đều còn cứng tươi; không có chất kích thích..., chất bảo vệ thực vật, rau đảm bảo cung cấp theo mùa.

Rau, củ, quả được sản xuất, cung cấp từ đơn vị đạt tiêu chuẩn VIETGAP và đạt tiêu chuẩn OCOOP.

1.3. Các sản phẩm từ trứng:

Trứng còn tươi, khi để soi dưới ánh đèn có buồng khí nhỏ, lòng đỏ tròn, không di động, nằm cân bằng ở giữa, lòng trắng trong suốt, cam hoặc hồng nhạt. Khi lắc nhẹ mà không có tiếng động. Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.4. Các loại sản phẩm khác:

Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

1.5. Đối với hàng hóa khác:

- Nhà cung ứng phải báo giá cụ thể, chi tiết từng loại hàng hóa, có nhãn mác hàng hoá (nếu có), xuất xứ của hàng hoá, nhà sản xuất cụ thể của hàng hoá, hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất, hạn sử dụng còn lại phải $\geq 2/3$ hạn sử dụng.

- Bao bì sản phẩm hàng hoá phải thể hiện đầy đủ thông tin về: nhãn mác sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin của nhà sản xuất.

- Trường hợp hàng hoá không đáp ứng yêu cầu chất lượng do nguyên nhân của nhà sản xuất thì nhà cung ứng phải cung cấp thay thế hàng hoá mới đạt yêu cầu chất lượng và thu hồi sản phẩm lỗi, thời gian cung cấp thay thế hàng hoá mới không quá 01 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo.

Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia chào giá từ phía các đơn vị cung cấp dịch vụ.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các đơn vị cung cấp;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN CỦA ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ và tên)


Lê Thị Hương

PHỤ LỤC

Chi tiết thông tin về lương thực, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng, nguyên liệu, nhiên liệu
theo yêu cầu của nhà trường

(Kèm theo thư mời số 282/BGTP-MNQTr ngày 14/11/2025 của trường MN Quang Trung)

TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Quy cách	ĐVT	Khối lượng
I	THỰC PHẨM			
1	Thịt lợn mông	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, bì mềm, mỡ màu trắng trong hơi ngà, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay.	kg	1620,9
2	Thịt lợn nạc	Màu hồng nhạt, hoặc đỏ thẫm sáng và bóng. Thịt săn chắc, đàn hồi. Các thớ thịt đều, khô ráo, không bị chảy nước, bì mềm, mỡ màu trắng trong hơi ngà, không mùi hôi thối. Sờ hơi dính tay.	kg	997,5
3	Sườn lợn thăn	Xương thăn lợn, màu hồng tươi, khô ráo, không bị ươn, không chảy nước, không mùi hôi thối.	kg	119,5
4	Tim lợn	Tim tươi, màu sắc tự nhiên không bị biến dạng, mùi hôi thối	kg	32,9
5	Mỡ lợn	Mỡ tươi, màu sắc tự nhiên không bị biến dạng, mùi hôi thối	kg	11
6	Thịt bò nạc	Tươi loại 1, có màu đỏ tươi, mỡ bò có màu vàng tươi, gân màu trắng và cứng khi ấn vào. Thớ thịt bò nhỏ, mềm, thịt khô ráo, thịt có độ đàn hồi tốt, không bị nhớt và không có mùi hôi. Sờ hơi dính tay.	kg	180,8
7	Thịt bê nạc	Tươi loại 1, có màu đỏ tươi, mỡ bò có màu vàng tươi, gân màu trắng và cứng khi ấn vào. Thớ thịt bò nhỏ, mềm, thịt khô ráo, thịt có độ đàn hồi tốt, không bị nhớt và không có mùi hôi. Sờ hơi dính tay.	kg	58,65
8	Thịt ngan	Thịt ngan bỏ đầu, cổ, chân	kg	152,2
9	Thịt vịt	Thịt vịt bỏ đầu, cổ, chân	kg	112,2
10	Ếch nguyên con	Ếch làm sơ, sơ chế còn da	kg	49,8
11	Lươn	Lươn nguyên con, tươi sống	kg	30
12	Gà ta bỏ đầu, cổ, chân	Thịt gà thịt săn bỏ lông mề, chân cò, Da vàng hoặc trắng ngà, thịt không có mùi hôi, có mùi đặc trưng, thịt lọc ra sờ dính tay, co giãn đàn hồi. Thịt không bị nhớt, chảy nước, không có mùi hôi thối.	kg	223
13	Cá rô phi	Cá rô phi phi lê, tươi sống. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men con từ 0,7<4kg	kg	18
14	Cá thu phần bỏ đầu, đuôi	Cá thu tươi sống. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	54,2
15	Cá vược	Cá tươi sai từ 1,8>2kg	kg	66,8
16	Cá trắm	Cá nguyên con, tươi sống 3kg/con	kg	185,3
17	Cá quả	Cá quả nguyên con cá còn sống, không chất bảo quản, không ươn thối	kg	6
18	Cá diêu hồng phi lê	Cá diêu hồng tươi ngon.	kg	72
19	Cá chép	Cá chép tươi ngon.	kg	15

TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Quy cách	DVT	Khối lượng
20	Tôm nót to	Tôm còn sống, cò đủ chân lẫn càng. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men. Sai từ 60>70con/kg	kg	396,25
21	Tép gạo	Tép còn sống, cò đủ chân lẫn càng. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	40
22	Cua đồng	Cua còn sống, cò đủ chân lẫn càng, mai... Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	25,3
23	Ngao	Không dập nát, không há miệng, không mùi ươn thối. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	12
24	Trai	Không dập nát, không há miệng, không mùi ươn thối. Không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	26
25	Mực ống	Mực ống to, tươi ngon không có mùi ươn, hôi.	kg	40,2
26	Cá chép	Cá tươi loại từ 3-4kg/ con	kg	15
27	Trứng vịt	Quả đều, vỏ mỏng, màu lốm đốm, sờ ram ráp nặng tay, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	kg	172,06
28	Trứng cút	Quả đều, vỏ mỏng, màu lốm đốm, sờ ram ráp nặng tay, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	kg	76,5
29	Trứng gà ta	Quả đều, vỏ mỏng, màu lốm đốm, sờ ram ráp nặng tay, không lúc lắc, không dập nát, không mùi hôi thối	kg	138
30	Cải Thảo	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	388,2
31	Rau ngót	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	267,1
32	Rau mồng tơi	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	167,9
33	Rau bắp cải	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	142,4

TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Quy cách	DVT	Khối lượng
34	Mướp	Quả mướp tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	140
35	Bí xanh/ bí đao đẹp	Quả tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	333,4
36	Bí đỏ/ bí ngô	Quả tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	285,4
37	Bí đỏ già	Quả tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	150
38	Quả bầu	Quả tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	334,5
39	Củ cải trắng	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	89
40	Cà chua	Quả tươi chín đỏ, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	305,4
41	Cà rốt	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	466,2
42	Khoai tây	Củ vàng tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	308,2
43	Khoai lang	Củ vàng tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	36
44	Su su	Quả tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	100,8
45	Su hào	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	9,8

TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Quy cách	DVT	Khối lượng
46	Rau ngổ	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	7
47	Gia vị thịt kho tàu	Dạng đóng gói	kg	5
48	Rau muống	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	212,8
49	Tía tô	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	2,4
50	Thìa là	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	0,3
51	Hành củ khô	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	92,4
52	Gừng tươi	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	3,9
53	Hành lá	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	64,4
54	Mùi ta	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	53,5
55	Mùi tàu	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	54,4
56	Nấm hương khô	Nấm hương khô, mùi thơm của Nấm hương, không chứa chất bảo quản	kg	2,9
57	Gạo tẻ	Gạo tẻ bao 25kg, Gạo tẻ đúng chuẩn loại gạo, hạt to tròn, trắng đặc trưng, không mốc mọt không lẫn sạn, không tồn dư chất bảo quản, chất cấm trong trồng trọt	Kg	5729,3
58	Gạo nếp	Gạo tẻ bao 25kg, Gạo tẻ đúng chuẩn loại gạo, hạt to tròn, trắng đặc trưng, không mốc mọt không lẫn sạn, không tồn dư chất bảo quản, chất cấm trong trồng trọt	Kg	156,6
59	Đỗ xanh	Đậu xanh sạch vỏ, khô, vàng, hạt phải to tròn, đều hạt, không sâu, không nấm mốc, không ẩm mốc, không hôi, không mối mọt.	Kg	86,5

TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Quy cách	DVT	Khối lượng
60	Đỗ đỏ	Đậu đỏ, khô, hạt phải to tròn, đều hạt, không sâu, không nấm mốc, không ẩm mốc, không hôi, không mối mọt.	kg	73
61	Đỗ đen	Đậu đen, khô, hạt phải to tròn, đều hạt, không sâu, không nấm mốc, không ẩm mốc, không hôi, không mối mọt.	kg	18
62	Dầu đậu nành Simply 1l	Simply đậu nành chai 1lit, 100% dầu đậu nành, dầu olein cò, dầu hướng dương... Màu vàng, trong, không vẩn đục, được đóng bao niêm phong, còn hạn sử dụng, tem mác rõ ràng	lít	395,4
63	Bột canh Vifon	Bột canh Vifon Thành phần: Muối iot đường bột tòi bột tiêu bột ớt...Được đóng gói trong bao bì đảm bảo VSATTP bao bì thoáng khô không bị nấm mốc. Còn nguyên túi, khô, không bị rách, không bị chảy nước, còn hạn sử dụng, tem mác rõ ràng	kg	87,7
64	Mắm Sơn Hải mắm nẫu	Mắm Sơn Hải mắm nẫu, thành phần từ cá biển và muối ăn, có mùi thơm đặc trưng.	kg	110,38
65	Hạt nêm	Hạt nêm Ajinomoto 1kg/ gói	kg	79,6
66	Đường cát trắng	Đường Lam sơn túi 1kg, Còn nguyên túi. Không ẩm mốc, không chảy nước, màu trắng hoặc vàng đặc trưng. Được đóng bao niêm phong, còn hạn sử dụng, tem mác rõ ràng	kg	145
67	Cần tỏi tây	Rau xanh tươi, không dập nát thối lên men không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,6
68	Củ dền	Củ tươi không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	14,1
69	Chuối xanh	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	74,4
70	Khoai sọ ta	Củ tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	109,8
71	Cải thìa (cải trắng)	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	49
72	Rau cải xanh	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	238,9
73	Rau đay	Rau tươi xanh, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	9,4

TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Quy cách	ĐVT	Khối lượng
74	Ngô bắp tươi	Bắp vàng tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	kg	93,5
75	Bột sắn dây	Bột sắn dây gói 1kg	kg	73,8
76	Hạt sen	Loại hạt tươi không bị mốc, mối ăn	kg	26,1
77	Cốt dừa	Cốt dừa loại hộp tô	hộp	58
78	Miến	Miến sợi trong, dai không chất bảo quản	kg	116
79	Bánh đa	Bánh đa tươi sợi trắng không mốc, mùi hôi	kg	168
80	Bánh phở	Bánh phở tươi sợi trắng không mốc, mùi hôi	kg	26
81	Dưa hấu	Quả size 2,5-3kg , tươi không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	423
82	Thanh long	Quả đỏ tươi size 3 quả /kg, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	186
83	Đu đủ	Quả tươi, không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	Kg	198
84	Chuối tây/chuối tiêu	Quả tươi size 6-7 quả 1kg , quả tươi không bị thối nát, không tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng hoá chất bảo quản, không dập, thâm nhũn, không mùi ôi thối mùi chua lên men.	quả	2.900
85	Bánh gạo	Bánh gạo gói 150g	gói	1.652
II	SẢN PHẨM DINH DƯỠNG			
1	Sữa bột Shizu gold	Sữa bột SB nguyên kem có đường dành cho trẻ từ 2>6 tuổi túi 1kg	kg	1.045
III	SẢN PHẨM DINH DƯỠNG			
2	Bánh Paket	Loại bánh mì Paket (3 cái/túi)	Túi	2.827
3	Sữa chua uống Ba Vì	Sữa chua uống thanh trùng Ba Vì 95ml	Hộp	12.484
4	Sữa chua Ba Vì	Sữa hộp của Ba Vì vị truyền thống thể tích 70g	Hộp	14.571
IV	CHẤT ĐÓT			
1	Gas	Gas Hồng Hà bình 45kg	Bình	90